

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/DS-ST
Ngày: 28 - 11 - 2022
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Mỹ Lệ

Các hội thẩm nhân dân :

1. Ông Hoàng Ngọc Sông

2. Bà Khuất Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hồng - Thư ký viên TAND thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022, tại Hội trường xét xử Dân sự Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2022/TLST-DSTC ngày 29 tháng 07 năm 2022, về việc Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXX-ST ngày 26 tháng 10 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐ-ST, ngày 11 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Hồng V. Địa chỉ: SN 196, tổ 1 phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lê Quý T, bà Trần Thị Kim O - Văn phòng Luật sư MHN, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tuyên Quang, có mặt bà O, vắng mặt ông T.

- Đồng Bị đơn: Ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Kim H. Cùng địa chỉ: SN 55, tổ 15 phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang, ông K, bà H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/5/2022; Biên bản lấy lời khai ngày 04/8/2022 nguyên đơn bà Vũ Thị Hồng V trình bày: Do có quen biết và tin tưởng nhau nên bà đã cho ông K, bà H vay nhiều lần với tổng số tiền là 140.000.000đ, cụ thể: Ngày 07/5/2019 vay số tiền 70.000.000đ; Ngày 23/5/2019 vay 20.000.000đ; Ngày 08/6/2019 vay 25.000.000đ; Ngày 12/6/2019 vay 10.000.000đ; Ngày

26/6/2019 vay 15.000.000đ, mục đích vay để giải quyết công việc chung của gia đình. Các lần ông K, bà H vay tiền đều viết Giấy vay tiền, có chữ ký của người vay để làm căn cứ thanh toán, trong đó: Ông K, bà H cùng ký 02 Giấy vay tiền Ngày 07/5/2019 số tiền 70.000.000đ và ngày 08/6/2019 số tiền 25.000.000đ. Các giấy vay ngày 23/5/2019 vay số tiền 20.000.000đ; Ngày 12/6/2019 vay số tiền 10.000.000đ; Ngày 26/6/2019 vay số tiền 15.000.000đ là do một mình bà H ký tên nhưng vì ông K, bà H vay với mục đích giải quyết công việc chung của vợ chồng nên bà khởi kiện yêu cầu ông K, bà H phải cùng có trách nhiệm trả cho bà toàn bộ số nợ gốc là 140.000.000đ. Mặc dù trong các giấy vay tiền không thoả thuận với nhau về mức lãi suất, nhưng do ông K, bà H cố tình trốn tránh không trả nợ đúng hạn như đã thoả thuận và bỏ trốn khỏi nơi cư trú nên bà yêu cầu phải trả lãi suất cho bà theo mức 1,2%/tháng tương ứng với thời gian quá hạn hẹn trả. Số tiền lãi yêu cầu như sau: Số tiền vay 70.000.000đ tính từ ngày 07/01/2020 đến ngày 07/5/2022 là 28 tháng x 1,2% = 23.500.000đ; Số tiền vay 20.000.000đ tính từ ngày 23/9/2019 đến ngày 23/5/2022 là 32 tháng x 1,2% = 7.000.000đ; Số tiền vay 25.000.000đ tính từ ngày 08/10/2019 đến ngày 08/5/2022 là 23 tháng x 1,2% = 6.900.000đ; Số tiền vay 10.000.000đ tính từ ngày 12/9/2019 đến ngày 12/5/2022 là 23 tháng x 1,2% = 3.600.000đ; Số tiền vay 15.000.000đ tính từ ngày 02/6/2019 đến ngày 26/4/2022 là 23 tháng x 1,2% = 4.140.000đ. Tổng số tiền lãi yêu cầu ông K, bà H phải trả là 45.140.000đ. Nay bà khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông K, bà H phải trả cho bà toàn bộ số tiền vay cả gốc và lãi là 185.140.000đ, trong đó nợ gốc là 140.000.000đ; tiền lãi là 45.140.000đ.

Tại phiên toà nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà H, ông K phải trả cho bà toàn bộ số tiền gốc là 140.000.000đ và số tiền lãi của toàn bộ khoản vay theo mức 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả tính đến ngày xét xử vụ án. Về trách nhiệm trả nợ bà yêu cầu như sau:

- Buộc bà H, ông K phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà số tiền gốc và lãi của 2 lần vay theo Giấy vay tiền ngày 07/5/2019, số tiền 70.000.000đ và ngày 08/6/2019 là 25.000.000đ, tổng cộng gốc là 95.000.000đ. Tiền lãi đối với khoản vay 70.000.000đ, tương ứng với 34 tháng = 19.833.000đ, số tiền vay 25.000.000đ, tương ứng với 37 tháng = 7.708.000đ. Tổng cộng tiền gốc và lãi ông K, bà H phải liên đới trả cho bà là 122.541.000đ (*Một trăm hai mươi hai triệu năm trăm bốn một nghìn đồng*).

- Buộc bà H chịu trách nhiệm cá nhân phải trả cho bà số tiền gốc của 3 lần vay theo Giấy vay tiền ngày 23/5/2019, số tiền 20.000.000đ; ngày 12/6/2019, số tiền 10.000.000đ và ngày 26/6/2019, số tiền 15.000.000đ, tổng cộng là 45.000.000đ và số tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả tính đến ngày xét xử, cụ thể: Tiền lãi đối với khoản vay 20.000.000đ là 39 tháng = 6.500.000đ; tiền lãi đối với khoản vay 10.000.000đ là 41 tháng = 3.416.000đ và khoản vay 15.000.000đ là 41 tháng = 5.125.000đ. Tổng số tiền gốc và lãi bà H phải trả là 60.041.000đ (*Sáu mươi triệu không trăm bốn mươi một nghìn đồng*).

* *Đồng bị đơn ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Kim H:* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bị đơn đến Tòa án để giải quyết vụ án theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp nhưng ông K, bà H đều không có mặt, không có lý do. Qua xác minh tổ trưởng tổ 15 phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang cung cấp: Ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Kim H hiện nay có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 15 phường Minh Khai. Tuy nhiên hiện nay ông K, bà H không có mặt ở địa phương, việc ông K, bà H đi đâu, làm gì, ở đâu ông bà không thông báo lại với tổ do vậy tổ dân phố không nắm được (BL 34).

Toà án nhân dân thành phố H đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vào các ngày 23/9/2022 và 13/10/2022. Tuy nhiên ông K, bà H đều không có mặt, không có lý do nên Toà án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không hoà giải giữa các đương sự được.

* Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V. Buộc bà H, ông K phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà V số tiền gốc của 2 lần vay là 95.000.000đ và tiền lãi đối với 2 khoản vay chung 27.541.000đ, tổng cộng cả gốc và lãi là 122.541.000đ. Buộc bà H phải trả cho bà V số tiền gốc của 3 lần vay là 45.000.000đ và số tiền lãi tương ứng là 15.041.000đ, tổng cộng là 60.041.000đ.

* Ý kiến của đại diện VKSND thành phố H:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, các tài liệu do nguyên đơn cung cấp phù hợp với quy định của pháp luật, đúng quy định tại Điều 70, Điều 71-BLTTDS. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, vi phạm quy định tại khoản 15 Điều 70, Điều 72- BLTTDS.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 468 BLDS 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Hồng V.

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim H, ông Nguyễn Văn K phải liên đới trả cho bà Vũ Thị Hồng V tổng số tiền gốc và lãi là 122.541.000đ.

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim H phải trả cho bà Vũ Thị Hồng V số tiền gốc và lãi là 60.041.000đ.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim H; ông Nguyễn Văn K phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

3. Về quyền kháng cáo: Bà V, ông K, bà H có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Vũ Thị Hồng V khởi kiện Đòi tài sản (Tiền) đối với ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Kim H có địa chỉ tại phường Minh Khai, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Kim H: Ông K, bà H hiện nay không có mặt tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp, không thông báo địa chỉ nơi ở mới cho nguyên đơn biết được coi là cố tình che dấu địa chỉ và trốn tránh nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 BLTTDS. Tòa án nhân dân thành phố H đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo quy định chung. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt ông K, bà H là có căn cứ.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Bà Vũ Thị Hồng V đồng ý cho ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Kim H vay nhiều lần với tổng số tiền vay là 140.000.000,đ (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*), mục đích vay để lo công việc của vợ chồng và phục vụ mục đích kinh doanh nhưng không thực hiện đúng cam kết về nghĩa vụ trả nợ cho bà V, việc vay tiền có viết Giấy vay tiền và có chữ ký xác nhận của bên vay. Như vậy, xác định tranh chấp là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản (*Hợp đồng dân sự*) được quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Vũ Thị Hồng V yêu cầu ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Kim H phải cùng có trách nhiệm trả số tiền gốc đã vay là 140.000.000,đ (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*), và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 1,2%/tháng. Tuy nhiên tại phiên tòa bà V đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Yêu cầu ông K, bà H phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà khoản vay chung theo 02 Giấy vay tiền ngày 07/5/2019 và ngày 08/6/2019 tổng số tiền vay là 95.000.000đ; Buộc bà H có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ theo các Giấy vay tiền ngày 23/5/2019; ngày 12/6/2019 và ngày 26/6/2019 tổng cộng là 45.000.000đ. Và khoản tiền lãi của toàn bộ số tiền vay theo mức 10%/năm, tương ứng với thời gian chậm trả. Xét thấy việc thay đổi

một phần nội dung yêu cầu khởi kiện của bà V tại phiên toà là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 466, 468 của BLDS nên HĐXX chấp nhận.

[5] Chứng cứ nguyên đơn đưa ra để làm cơ sở yêu cầu bị đơn trả số tiền trên là 05 (Năm) tờ Giấy vay tiền (bản gốc), gồm:

- Lần 1: "*Giấy vay tiền*" ngày 07/5/2019 với số tiền vay là 70.000.000 (*Bảy mươi triệu đồng*) thời hạn vay 8 tháng, hạn đến ngày 07/01/2020 sẽ thanh toán. Người vay bà H, ông K cùng ký và ghi rõ họ, tên vào giấy vay tiền.

- Lần 2: "*Giấy vay tiền*" ngày 23/5/2019 với số tiền vay là 20.000.000 (*Hai mươi triệu đồng*) thời hạn vay 8 tháng, hạn đến ngày 23/9/2019 sẽ trả cả lãi và gốc. Người vay ký, ghi họ tên là Nguyễn Thị Kim H.

- Lần 3: "*Giấy vay tiền*" ngày 8 tháng 6 năm 2019, với số tiền vay là 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*), thời hạn hạn trả 08/6/2019. Người vay ký, ghi họ tên là Nguyễn Thị Kim H và Nguyễn Văn K.

- Lần 4: "*Giấy vay tiền*" đề ngày 12/6/2019, với số tiền vay là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), thời hạn hạn trả 12/9/2019 sẽ trả cả lãi và gốc. Người vay ký, ghi họ tên là Nguyễn Thị Kim H.

- Lần 5: "*Giấy vay tiền*" đề ngày 26/6/2019, với số tiền vay là 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*), thời hạn hạn trả 26/7/2019 sẽ trả cả lãi và gốc. Người vay ký, ghi họ tên là Nguyễn Thị Kim H.

[6] Xét các "*Giấy vay tiền*" do nguyên đơn cung cấp và lời khai tại phiên toà, HĐXX có căn cứ xác định hợp đồng vay tiền giữa hai bên là hợp đồng vay có kỳ hạn, một phần có thoả thuận lãi suất nhưng không thoả thuận mức lãi suất cụ thể, một phần không có thoả thuận lãi suất.

[7] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà V về việc buộc ông K, bà H phải liên đới trả cho bà số tiền 95.000.000đ nợ gốc. HĐXX xét thấy rằng: Trong các giấy vay tiền thì có 02 Giấy vay tiền ngày 07/5/2019, số tiền 70.000.000đ và Giấy vay tiền ngày 08/6/2019, số tiền 25.000.000đ. Nội dung vay tiền không nói rõ mục đích vay, không thoả thuận về việc phải trả lãi, tuy nhiên có chữ ký xác nhận người vay là Nguyễn Thị Kim H và Nguyễn Văn K, có thoả thuận về thời hạn trả nợ. Do đó áp dụng khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của BLDS chấp nhận yêu cầu này của bà V. Buộc bà H, ông K phải liên đới trả cho bà V toàn bộ số tiền là 122.540.000đ, trong đó: Nợ gốc là 95.000.000đ và số tiền lãi tính đến thời điểm xét xử vụ án là 27.540.000đ (*Tiền lãi được tính theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả, cụ thể: Số tiền 70.000.000đ bà V yêu cầu phải trả lãi là 34 tháng = 19.833.000đ; Số tiền 25.000.000đ phải trả lãi là 37 tháng = 7.708.000đ*).

[8] Đối với 03 giấy vay tiền ngày 23/5/2019 số tiền 20.000.000đ; ngày 12/6/2019 số tiền 10.000.000đ và ngày 26/6/2019 số tiền 15.000.000đ. Các giấy vay tiền đều có chữ ký bên vay là Nguyễn Thị Kim H, trong nội dung chỉ nêu "*....tôi có vay của chị Vũ Thị Hồng V số tiền....tôi sẽ thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi....*", đây là thoả thuận của cá nhân bà H, không liên quan đến trách nhiệm của ông K, do đó HĐXX xét thấy cần buộc bà H phải có trách nhiệm trả cho bà V tổng

số tiền 50.125.000đ. Trong đó: Tiền gốc là 45.000.000đ và tiền lãi tính đến thời điểm xét xử vụ án là 15.041.000đ (*cụ thể: Số tiền 20.000.000đ phải trả lãi là 39 tháng = 6.500.000đ; Số tiền 10.000.000đ phải trả lãi là 41 tháng = 3.416.000đ; Số tiền 15.000.000đ phải trả lãi là 41 tháng = 5.125.000đ*).

[9] Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên toà là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

[10] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tại phiên toà là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật. Do đó HĐXX chấp nhận.

[11] Ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Kim H cố tình vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên không đưa ra được quan điểm, yêu cầu để bảo vệ quyền lợi của mình hay phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Do đó HĐXX không có căn cứ để xem xét.

[12] Về án phí: Căn cứ Điều 144, 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; điểm c mục 1.3 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Buộc ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật, bà V được miễn nộp tạm ứng án phí.

[13] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 288, 357, 463, 466, 468 BLDS năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Khoản 1 Điều 147, Điều 192, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ý c mục 1.3 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án (*Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016*).

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Hồng V, tuyên xử:

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim H, ông Nguyễn Văn K phải liên đới trả cho bà Vũ Thị Hồng V số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử là 122.541.000đ (*Một trăm hai mươi hai triệu năm trăm bốn mươi một nghìn đồng*).

- Buộc Nguyễn Thị Kim H phải trả cho bà Vũ Thị Hồng V số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử là 60.041.000đ (*Sáu mươi triệu không trăm bốn mươi một nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các “Giấy vay tiền” ngày 07/5/2019, ngày 23/5/2019, ngày 08/6/2019, ngày 12/6/2019, ngày 26/6/2019 giữa bà Vũ Thị Hồng V với bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Văn K không còn giá trị pháp lý.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn K phải chịu án phí có giá ngạch là 3.063.000đ (*Ba triệu không trăm sáu mươi ba nghìn đồng*).

Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.065.000,đ (*Sáu triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Kim H vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG.
- VKSND thành phố H;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Lưu HS - BP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Vũ Mỹ Lệ